BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
TOKYO VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 260819/001/QĐĐT-THUV ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng)

1. Thông tin chung

1.1. Tên CTĐT:	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1.2 Mã CTĐT:	22026009
1.3. Mã số ngành đào tạo:	7720603
1.4. Trình độ đào tạo:	Đại học
1.5. Thời gian đào tạo:	4 năm
1.6. Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1.7. Thông tin về kiểm định:	
1.8. Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Khoa Kỹ thuật phục hồi chức năng
1.9. Hình thức đào tạo:	Chính quy - Tập trung
1.10. Số tín chỉ yêu cầu:	149 (Chưa bao gồm Quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất)
1.11. Thang điểm:	4
1.12. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt, Tiếng Nhật
1.13. Ngày ban hành:	19/8/2026

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao mang tầm quốc tế. Mục tiêu chung là đào tạo, hỗ trợ, tăng cường sự tự lập và cộng sinh của người học dựa trên sứ mệnh sáng lập của Nhà trường và thực tiễn nhu cầu y tế của thời đại, trên cơ sở đó bồi dưỡng kiến thức và năng lực thực tiễn của ngành nghề.

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng có những hiểu biết về xã hội, chính trị, pháp luật và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm xã hội cao; có những hiểu biết về con người một cách tổng thể và toàn diện, có khả năng

xây dựng các mối quan hệ nhân văn phù hợp với ý thức trách nhiệm cao; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên môn cao phù hợp với sự thay đổi liên tục của xã hội, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và y học để đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú củaxã hội; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, quy định pháp luật liên quan nhằm thích nghi với công tác điều trị, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế và cộng đồng; có những năng lực cần thiết để thực hiện mục tiêu học tập suốt đời, để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển trong lĩnh vực điều trị, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân trong nước cũng như quốc tế, mang lại "sức khỏe và hạnh phúc" cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể *(Program Objectives – POs)*

- PO1: Sinh viên ra trường có những hiểu biết một cách toàn diện và tổng hợp về con người, hiểu biết và tuân thủ chính sách và pháp luật của nhà nước, có đạo đức nghề nghiệp, có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, có khả năng tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa con người.
- PO2: Dựa trên các bằng chứng khoa học, sinh viên vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành kỹ thuật phục hồi chức năng, có kỹ thuật chuyên môn cao đáp ứng được sự biến đổi của cấu trúc bệnh tật và nhu cầu mang tính xã hội, tính quốc tế đối với sự an toàn và chất lượng y tế cũng như có khả năng thực hiện nghiệp vụ kỹ thuật phục hồi chức chất lượng cao và an toàn.
- PO3: Dựa trên môi trường xã hội, sinh viên ra trường có năng lực liên kết, phối hợp với các ngành nghề chuyên môn khác trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe - y tế - phúc lợi xã hội tại các cơ sở y tế, cộng đồng cũng như chăm sóc điều trị tại nhà.
- PO4: Có thể đưa ra được, thực hiện được các đánh giác Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng phù hợp với người bệnh. Từ đó đưa ra các vấn đề tồn tại và thiết lập được các mục tiêu điều trị phù hợp, xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp, kiểm chứng hiệu quả điều trị, quản lý rủi ro, tư vấn cải thiện môi trường sống, phòng ngừa khuyết tật và giáo dục sức khỏe cho các nhóm bệnh khuyết tật ở các mức độ và nhóm tuổi khác nhau.
- PO5: Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, dụng cụ và tham gia tổ chức, quản lý đơn vị/khoa/phòng Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng.

- PO6: Sinh viên tốt nghiệp sẽ trở thành nguồn nhân lực luôn tôn trọng văn hóa xã hội - giá trị quan của con người; có khả năng hỗ trợ việc duy trì và nâng cao sức khỏe; phòng tránh bệnh tật.
- PO7: Cùng với việc nâng cao chất lượng và vị thế của ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng, sinh viên ra trường có thể tự trau dồi kiến thức, học tập liên tục suốt đời, tham gia nghiên cứu và đào tạo trong phạm vi hoạt động nghề. Có những năng lực cần thiết phù hợp với sự phát triển của y học, chăm sóc sức khỏe phúc lợi xã hội nói riêng và xã hội toàn cầu nói chung.

3. Đối tượng tuyển sinh:

Những đối tượng đáp ứng những yêu cầu dưới đây được tuyển sinh vào học tại Trường.

a. Đã tốt nghiệp THPT

b. Đã hoàn thành chương trình phổ thông 12 năm

c. Đủ 18 tuổi, có học lực tương đương hoặc cao hơn học sinh tốt nghiệp THPT

4. Quy trình đào tạo và điều kiện xét tốt nghiệp:

4.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo thực hiện theo Thông tư số 56/20261/TT-BGDĐT ban hành ngày 07 tháng 7 năm 2026 về Quy chế đào tạo đại học. Hằng năm, Nhà trường tiến hành điều chỉnh tín chỉ đào tạo cơ bản. Quá trình đào tạo được thực hiện theo từng năm học. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra.

4.2. Điều kiện xét tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

a. Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình đào tạo.

b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

c. Trình độ ngoại ngữ: Hoàn thành học phần ngoại ngữ theo quy định của Trường.

d. Trình độ tin học: Hoàn thành học phần Tin học cơ bản theo quy định của Trường.

e. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

f. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang

trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

5. Khung chương trình đào tạo

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
Giáo dục Đại cương	Chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội, pháp luật	16	10,7
	Ngôn ngữ	27	18,1
	Tự chọn	2	1,3
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở khối ngành	36	24,2
	Bắt buộc của ngành	53	35,6
	Tốt nghiệp	15	10,1
Tổng cộng		**149**	**100**

5.2. Khung chương trình đào tạo chi tiết Giáo dục đại cương khoa học cơ bản

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số đơn vị tín chỉ		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	*01A2005401*	*Giáo dục thể chất I*	*2*	*1*	*1*
2	*01A2005402*	*Giáo dục thể chất II*	*1*	*0*	*1*
3	*01A1600100*	*Giáo dục quốc phòng - an ninh*	*8*	*7*	*1*
4	01A2100301	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
5	01A2100302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
6	01A2100303	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
7	01A2100400	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
8	01A1600500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
9	00A1708300	Tin học	2	1	1
10	01A2301600	Kỹ năng giao tiếp	1	0	1
11	01A2000900	Tiếng Nhật I	3	1	2
12	01A2001000	Tiếng Nhật II	4	1	3
13	01A2105800	Tiếng Nhật III	3	2	1
14	01A2105900	Tiếng Nhật IV	4	2	2
15	01A2106400	Tiếng Nhật V	3	0	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số đơn vị tín chỉ		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
16	01A2106600	Tiếng Nhật VI	3	0	3
17	01A2106800	Tiếng Nhật VII	3	0	3
18	01A2300600	Tiếng Anh cơ bản	2	1	1
19	01A2305500	Tiếng Anh trong Y tế	2	1	1
20	01A2301301	Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
21	01A2301502	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
Tổng cộng *(Chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)*			**43**	**22**	**21**

Học phần tự chọn *(2/4 tín chỉ)*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số đơn vị tín chỉ		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	01A2301302	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
2	01A2301400	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
3	01A2301501	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
Tổng cộng			**4**	**4**	**0**

Giáo dục chuyên nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số đơn vị tín chỉ		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
Các học phần cơ sở khối ngành					
1	02A2308701	Giải phẫu - Sinh lý I	3	2	1
2	02A2108702	Giải phẫu - Sinh lý II	2	2	0
3	02A2302200	Sinh lý bệnh	2	2	0
4	02A1708600	Giải phẫu chức năng	2	2	0
5	02A2302000	Vận động học	3	2	1
6	02A1602600	Dược lý học	2	2	0
7	02A2308901	Bệnh lý - Điều trị lâm sàng I	2	2	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số đơn vị tín chỉ		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
8	02A2308902	Bệnh lý - Điều trị lâm sàng I	2	2	0
9	02A2302100	Sự phát triển con người	2	2	0
10	02A1603000	Dinh dưỡng lâm sàng	2	2	0
11	02A2303900	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	1	0	1
12	02A1602500	Tâm lý học lâm sàng	1	2	0
13	02A2303601	Y tế công cộng	2	2	0
14	02A2303602	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
15	22A230100	Hoạt động trị liệu	2	1	1
16	22A230200	Ngôn ngữ trị liệu	2	1	1
17	02A2300900	Nghiên cứu khoa học	3	2	1
18	02A1707700	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
Các học phần chuyên ngành					
1	23A2300101	Khái quát về vật lý trị liệu	2	2	0
2	23A2300102	Vật lý trị liệu cơ sở	2	2	0
3	23A1701900	Thực tập tham quan học tập vật lý trị liệu	1	0	1
4	23A2300301	Giải phẫu bề mặt và phương pháp sờ khám	1	0	1
5	23A2300302	Đánh giá vật lý trị liệu	2	2	0
6	23A2300303	Thực hành đánh giá vật lý trị liệu	2	0	2
7	02A2303200	Vật lý trị liệu nội khoa thần kinh	2	2	0
8	23A2301301	Liệu pháp vận động	3	2	1
9	23A2301303	Liệu pháp vật lý	3	2	1
10	23A1902000	Thực tập lâm sàng đánh giá vật lý trị liệu I	3	0	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số đơn vị tín chỉ		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành
11	53A1600100	Khái quát chẩn đoán hình ảnh	2	2	0
12	02A2301700	Vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp	3	2	1
13	23A2301001	Hoạt động sinh hoạt hàng ngày	2	2	0
14	23A2301002	Môi trường sinh hoạt	1	1	0
15	23A2301701	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu hệ cơ xương khớp	3	0	3
16	23A2301800	Vật lý trị liệu hệ thần kinh	3	2	1
17	23A1901402	Lý thuyết hướng dẫn vật lý trị liệu	2	2	0
18	23A1701600	Vật lý trị liệu nhi khoa	2	2	0
19	23A2300601	Vật lý trị liệu giai đoạn cấp tính	2	2	0
20	23A2300602	Vật lý trị liệu tổn thương cơ quan nội tạng	2	2	0
21	23A2301500	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	2	1	1
22	23A1901401	Quản lý vật lý trị liệu	2	2	0
23	23A1902001	Thực tập lâm sàng đánh giá vật lý trị liệu II	3	0	3
24	23A2301100	Vật lý trị liệu tại cộng đồng	3	2	0
Học phần tốt nghiệp					
1	23A2302100	Thực tập lâm sàng tổng hợp I	6	0	6
2	23A2302200	Thực tập lâm sàng tổng hợp II	6	0	6
3	13A2302100	Thi tốt nghiệp	3	3	0
Tổng cộng			**104**	**68**	**36**

5.3. Kế hoạch đào tạo

Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
Giáo dục thể chất I	Giáo dục thể chất II		GDQP - AN				
Triết học Mác - Lê Nin	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Chủ nghĩ xã hội khoa học	Lịch sử Đảng cộng sản VN	Tư tưởng Hồ Chí Minh			Luân lý sinh mệnh
Tin học	Kỹ năng giao tiếp				Dịch tễ học thống kê y tế	Đại cương khoa học hành vi	Đại cương văn minh nhân loại
Tiếng Nhật I	Tiếng Nhật III	Tiếng Nhật V	Tiếng Nhật VII		Môi trường và sức khỏe	Khái quát khoa học sự sống	
Tiếng Nhật II	Tiếng Nhật IV	Tiếng Nhật VI	Tiếng Anh cơ bản	Tiếng Anh trong Y tế	Hoạt động trị liệu		
Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	Sinh lý bệnh	Bệnh lý - điều trị lâm sàng I	Tâm lý học lâm sàng	Y tế công cộng	Ngôn ngữ trị liệu	Nghiên cứu khoa học	Liên kết ngành trong CSSK y tế và PLXH
Giải phẫu - Sinh lý I	Dược lý học	Bệnh lý - điều trị lâm sàng II		Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	VLTL nhi khoa		
Giải phẫu - Sinh lý II	Giải phẫu chức năng	Dinh dưỡng lâm sàng	VLTL nội khoa thần kinh	Khái quát chẩn đoán hình ảnh	VLTL giai đoạn cấp tính	VLTL tại cộng đồng	Thực tập lâm sàng tổng hợp II
	Khái quát về VLTL	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	Liệu pháp vận động	VLTL hệ cơ xương khớp	VLTL tổn thương cơ quan nội tạng	Thực tập lâm sàng tổng hợp I	
	VLTL cơ sở	Sự phát triển con người	Liệu pháp vật lý	Hoạt động sinh hoạt hàng ngày	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả		
	Thực tập tham quan học tập VLTL	Giải phẫu bề mặt và phương pháp sờ khám	Thực tập lâm sàng đánh giá VLTL I	Môi trường sinh hoạt	Quản lý VLTL		
		Đánh giá VLTL		Thực tập lâm sàng VLTL hệ cơ xương khớp	Thực tập lâm sàng đánh giá VLTL II		
		Thực hành đánh giá VLTL		VLTL hệ thần kinh			
				Hướng dẫn VLTL			
Giáo dục đại cương	Cơ sở khối ngành	Chuyên ngành	Tự chọn				

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

6.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn (nếu có).

6.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dung dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, cung cấp cho sinh viên trước 01 tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận,...giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

6.3. Kiểm tra, đánh giá

Được quy định cụ thể tại đề cương chi tiết học phần.

6.4. Đối với sinh viên

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

6.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 75.500.000 VNĐ/năm và sẽ được điều chỉnh theo biến động vật giá hàng năm.